

VÀI NHẬN XÉT VỀ SỐ CON TRONG GIA ĐÌNH

TRỊNH THỊ QUANG

Trong những cuộc điều tra xã hội học về hôn nhân và gia đình gần đây, chúng tôi đặc biệt chú ý đến quan hệ giữa số con của các gia đình với tuổi kết hôn và tuổi sinh con đầu lòng của người phụ nữ, số năm chung sống của vợ chồng, nghề nghiệp và trình độ văn hoá của họ.

Với người phụ nữ, việc sinh con đầu lòng ảnh hưởng không nhỏ đến quãng thời gian sinh con và số con của gia đình họ. Nhiều tài liệu điều tra cho thấy tuổi sinh con đầu lòng của phụ nữ thuộc các nhóm nông dân, công nhân, viên chức và trí thức rất khác nhau. Độ tuổi phổ biến để làm mẹ của phụ nữ nông dân là 21-23. 23-25, độ tuổi phù hợp về mặt tâm sinh lý cho việc làm mẹ. Đáng chú ý là nữ trí thức có 20,7% chị sinh cháu đầu lòng ở tuổi 28. Trong khi đó, cũng ở tuổi này, chỉ có 4% nữ nông dân, 10% nữ công nhân và 10% nữ viên chức sinh cháu đầu lòng. Điều này phù hợp với độ tuổi kết hôn của phụ nữ từng nhóm. Ở nông thôn, người phụ nữ thường xây dựng gia đình khá sớm, ở tuổi 20-21. Phụ nữ trí thức thường kết hôn muộn hơn cả. Điểm giống nhau của phụ nữ các nhóm là, chỉ một năm sau kết hôn 70,7% các “cô vợ” đã trở thành các “bà mẹ”.

Trong từng gia đình, một số nhân tố như lối sống của gia đình, sự chênh lệch về tri thức xã hội giữa vợ và chồng, ảnh hưởng của những tập tục truyền thống... đã tạo ra sự khác nhau về quan niệm sinh đẻ và nuôi dạy con.

Rất đáng chú ý đến số con trung bình của các gia đình khi xét theo trình độ văn hoá của cặp vợ chồng. Số con trung bình cao nhất (4,66 con/gia đình) ở cặp vợ chồng có trình độ văn hoá cấp I. Còn ở những cặp vợ chồng có trình độ đại học, số con trung bình ở mức thấp nhất (1,6 con/gia đình). Ở những cặp vợ chồng có trình độ học vấn chênh lệch nhau thì tình hình như sau: 4,1 con ở những cặp vợ chồng cấp III - vợ cấp I, 2,5 con ở những cặp vợ chồng đại học - vợ cấp II. Đó là trường hợp trình độ học vấn của người chồng cao hơn vợ. Nếu xét riêng theo trình độ văn hoá của người vợ, cứ trung bình một người phụ nữ có trình độ văn hoá cấp 1 có 4,2 con, một người phụ nữ có trình độ đại học có 1,64 con. Điều đó cho thấy đến số con. Ảnh hưởng quyết định thuộc về trình độ văn hoá của người vợ. Những người vợ học cao có xu hướng đẻ ít hơn. Trong số phụ nữ được hỏi, có 28% phụ nữ ở trình độ văn hoá cấp I có 4 con chỉ số này ở phụ nữ có trình độ đại học là 1,4%. Điều này liên quan đến định hướng giá trị của người phụ nữ. Ở người phụ nữ trí thức thời gian và sức lực được giành nhiều cho việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thoả mãn những nhu cầu văn hoá. Điều đó thúc đẩy mạnh hơn việc kế hoạch hoá gia đình. Tình hình này ít thấy ở những phụ nữ trình độ văn hoá thấp. Sự hạn chế về trình độ nhận thức đã kéo theo những hạn chế về tính tích cực xã hội của họ. Mô hình gia đình truyền thống, theo đó người vợ phải đảm nhiệm hầu hết việc nội trợ và nuôi dạy con cái, còn chi phối mạnh mẽ lối sống của họ.

Bên cạnh trình độ văn hóa cũng cần xem ảnh hưởng của nghề nghiệp đến số con trong gia đình. Chúng tôi phân loại bốn nhóm gia đình theo bốn nghề nghiệp: công nhân, viên chức trí thức, và các nghề tự do (bao gồm những gia đình làm các nghề thủ công, buôn bán).

Trong bốn nhóm này, nhóm gia đình trí thức vẫn có số con trung bình ít nhất (1,69 con/gia đình). Tỷ số con trung bình cao nhất (3,95 con/gia đình) thuộc về những cặp vợ chồng làm nghề tự do, ở những gia đình có vợ làm nghề tự do, số con trung bình cũng khá cao. Xem lại sự phân bố số con ở đây, ta thấy số con phổ biến của gia đình làm nghề tự do là 4, trong khi số con phổ biến của gia đình công nhân là 2, của gia đình viên chức là 1.

Tài liệu điều tra cho thấy, những cặp vợ chồng làm nghề tự do thường rơi vào những người có trình độ văn hoá thấp. Do vậy, như đã nói ở trên, họ dễ gắn với quan niệm truyền thống về số con và vai trò người phụ nữ trong gia đình.

Khi nghiên cứu số con, chúng tôi cũng chú ý đến yếu tố thời gian chung sống của cặp vợ chồng để biết được tỷ lệ sinh đẻ trong các loại gia đình và qua đó sơ bộ nhận xét quy mô gia đình hiện nay. Chúng tôi phân chia ra hai loại gia đình: gia đình trẻ (kết hôn từ 1 đến 5 năm). Và những gia đình có số năm chung sống cao hơn với những cặp vợ chồng có độ tuổi từ 35 trở lên.

Trong 5 năm kết hôn của người vợ, hơn quá nửa (66%) các gia đình trẻ đều có 1 và 2 con. Riêng gia đình nữ trí thức, tỷ lệ chưa có con khá cao: 36,8%. Căn cứ vào thời gian kết hôn của nữ, ta thấy số con thay đổi như sau (xem bảng 1).

Bảng 1: Số con tính theo thời gian kết hôn của nữ

Số năm chung sống	5 năm	6-10 năm	11-15 năm	16-20 năm	21-25 năm	Trên 25 năm
Số con phổ biến trong các loại gia đình	1	2	2	3	4	4
Số con trung bình	1,0	1,80	2,40	2,90	3,60	4,3

Số con trung bình tăng theo thời gian chung sống của vợ chồng. Nhưng nếu kết hợp cả hai mục trong bảng ta thấy từ 1 đến 5 năm, người phụ nữ chỉ sinh 1 cháu. Năm năm sau khi cháu đầu lòng ra đời, họ có cháu thứ 2. Mức sinh đẻ của các gia đình càng về sau càng giảm (10 năm sinh thêm 1 cháu). Như vậy, số liệu điều tra cho thấy, thời kỳ mãn đẻ của phụ nữ ở vào 10 năm đầu của cuộc sống chung. Những gia đình kết hôn 10 năm thường có 4 người (hai vợ chồng và 2 con). Những gia đình có vợ chồng và 3-4 con chiếm phần đáng kể trong những người kết hôn từ 10 năm trở lên.

Bên cạnh việc điều tra số con thực tế, chúng tôi còn tìm hiểu dư luận của các loại công chúng về số con mong muốn của một gia đình. Câu hỏi “nên có bao nhiêu con là vừa”, được chia thành hai mục số con và loại con. Mục loại con gồm ba mục nhỏ: bất kể trai gái, con trai và con gái.

Tính chung có 2,4% người muốn có 4 con: 20% người muốn có 3 con và chỉ có 1% người muốn có 1 con. Đáng quan tâm hơn cả là tỷ lệ 76,4% người muốn có 2 con. Phân tích số người đề nghị 2 con theo trình độ văn hoá của người trả lời, ta thấy có sự khác nhau về số con trai và số con gái (xem bảng 2).

Bảng 2: Đề nghị có hai con tính theo trình độ văn hoá của người trả lời

Loại con	Bất kể trai gái	1 trai 1 gái	Tổng số
Cấp I	50%	22,2%	72,2%
Cấp II	37,5%	33,0%	70,5%
Cấp III	30,3%	33,3%	63,6%
Đại học	29,8%	58,4%	88,2%
Trên đại học	18,7%	56,2%	74,9%

Ở những người có trình độ văn hoá cấp I, nhiều người trả lời muốn có 3 con trở lên.

Ở những người có trình độ văn hoá cấp II và cấp III, một phần rất nhỏ (1,2% và 1,6%) số người được hỏi muốn có 1 con. Đối với những người ở trình độ đại học và trên đại học, số con mong muốn cũng khác nhau. Không ai trong số người có trình độ trên đại học muốn có 1 con. Ngoài 74,9% người muốn có 2 con, số còn lại đều

muốn có 3 con. Số người muốn 2 con của những ông bố bà mẹ có trình độ đại học chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số người mong muốn 2 con ở đây. Số người muốn có 1 con tăng lên trong khi số người mong muốn 3 con trở lên giảm xuống. Như vậy, chúng ta thấy đã có sự khác biệt giữa hai nhóm người này.

Phần lớn những cặp vợ chồng có trình độ đại học trả lời câu hỏi này đều thuộc những gia đình trẻ. Với những tri thức trẻ được đào tạo trong xã hội xã hội chủ nghĩa, mong muốn có ít con để học tập, nghỉ ngơi giải trí một cách khoa học đã trở thành điều cần thiết. Điều khá lý thú ở đây là, tâm lý truyền thống thích con trai đã hoà hợp với quan niệm nên có ít con. Nhìn vào bảng 2, ta thấy rất nhiều người thích có con trai, nhưng vẫn trong mức 2 con, 1 trai, 1 gái. Bên cạnh đó nhu cầu tạo ra sự cân bằng về mặt tâm lý cũng được đặt ra trong các gia đình. Việc phát triển những nét giới tính cho con cái mình nhằm chuẩn bị những đức tính cần thiết để bước vào tuổi trưởng thành đã phổ biến hơn ở các tầng lớp, nhất là trong những gia đình trí thức trẻ. Những yếu tố đó góp phần tạo nên mong muốn một con trai – một con gái trong các gia đình nói trên.

Như vậy là số người được hỏi thuộc hai thế hệ khác nhau, nhưng đa số mong muốn là không nên quá 2 con. Một số ít đã có nguyện vọng 1 con. Theo chúng tôi, đó là xu hướng tích cực, phù hợp với nhu cầu của xã hội ta ngày nay. Gia đình ít con có những ưu thế rõ rệt. Một mặt, nó cho phép người bố, người mẹ có điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con. Mặt khác, bản thân các cháu cũng có điều kiện phát triển nhân cách toàn diện. Quan niệm gia đình tối đa là 2 con ngày càng phổ biến, cho phép chúng ta tin tưởng rằng, việc tuyên truyền rộng rãi về mô hình tương lai của gia đình sẽ đạt hiệu quả tốt.